

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Đỗ Tứ Hải.**

2. Ông: **Huỳnh Chí Trình.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh ngày: 20/4/1966 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/12/1987.

Sau ngày cưới vợ chồng ông bà sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc,

bà cố gắng chịu đựng mong ông B thay đổi nhưng ông B không sửa đổi tính tình. Bà và ông B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 10/4/1992 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 14/12/1988. Chị A và anh C đã thành niên nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 25/02/2021 ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 10/4/1992 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 14/12/1988. Chị A và anh C đã thành niên nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông B không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của ông B không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 17/11/2020, Chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Đơn xin xác nhận; Sổ hộ khẩu (bản sao), Giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/12/1987 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà T trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 30 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà đã cho ông B cơ hội sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông B không sửa đổi tính tình. Bà T và ông B không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Ông B trình bày ông vẫn thương bà T nay đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông B không đồng ý mà ông B yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu ly hôn, ông B không đồng ý mà ông yêu cầu đoàn tụ, xét yêu cầu của bà T là có cơ sở bởi vì ông bà đã ly thân trong một thời gian dài mà ông bà không đoàn tụ được, bà T không còn tình cảm với ông B, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã trầm trọng, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị C A, sinh ngày 10/4/1992 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 14/12/1988. Chị A và anh C đã thành niên bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị C A, sinh ngày 10/4/1992 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 14/12/1988. Chị A và anh C đã thành niên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008707, ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND thị trấn Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh